| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ BẾN CÁT**<br>**TỈNH BÌNH DƯƠNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |

Bản án số: 17/2024/LĐ - ST
Ngày: 27 – 6 – 2024
V/v: Tranh chấp về hợp đồng lao động

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Phan Hồng Diễm Phúc

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Trần Thị Ngọc Hạnh – Nhân viên xí nghiệp Phát triển Công nghiệp và Đầu tư M.

2. Bà Nguyễn Thị Thắm – Nguyên Chủ tịch Công đoàn cơ sở thuộc Trung tâm y tế thành phố B, tỉnh Bình Dương.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2024/TLST-LĐ ngày 15 tháng 4 năm 2024, về việc: "Tranh chấp về hợp đồng lao động", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 139/2024/QĐXXST-LĐ ngày 13/6/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lang Thị N, sinh năm 1990; Địa chỉ: Xóm V, xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Công ty TNHH D; Địa chỉ: Lô số J3, khu công nghiệp M, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông HSU SHIH Y – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH D: Ông Trịnh Quốc C, sinh năm 1990; địa chỉ liên hệ: Lô số J3, khu công nghiệp M, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương, là đại diện theo ủy quyền (Theo văn bản ủy quyền ngày 31/5/2024), Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: Bảo hiểm xã hội thành phố B, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: Phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Trọng K – Chức vụ: Giám đốc. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Trong đơn khởi kiện đề ngày 05/4/2024 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Lang Thị Ng trình bày:***

Bà N làm việc tại Công ty TNHH T và được Công ty tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 07/2011 đến tháng 04/2013. Sau khi nghĩ việc, bà N đến bảo hiểm xã hội để thực hiện thủ tục nhận tiền bảo hiểm, lúc này bà mới được biết Công ty TNHH D; địa chỉ trụ sở: Lô số J3, khu công nghiệp M, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương tham gia bảo hiểm xã hội cho bà từ tháng 07/2011 đến tháng 04/2013 (sổ bảo hiểm số 7411208409) do đó bị trùng. Bà khẳng định, từ tháng 07/2011 đến tháng 04/2013 bà không làm việc tại Công ty TNHH D nên bà không rõ lý do vì sao lại có sự việc này. Nay bà N yêu cầu Tòa án hủy Hợp đồng lao động ký kết trong thời gian tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 07/2011 đến tháng 04/2013 giữa người lao động có thông tin họ tên Lang Thị N với Công ty TNHH D. Bà không yêu cầu giải quyết hậu quả của Hợp đồng vô hiệu. Rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu "Hủy kết quả quá trình đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 7/2011 đến tháng 4/2013 theo sổ bảo hiểm xã hội số 7411208409 cấp cho bà Lang Thị N.

***Quá trình tham gia tố tụng, bị đơn Công ty TNHH D– do ông Trịnh Quốc C đại diện trình bày:***

Công ty TNHH D xác nhận vào thời điểm từ tháng 7/2011 đến tháng 4/2013, phía công ty có tuyển dụng và nhận được hồ sơ xin tuyển dụng của người lao động có thông tin: Lang Thị N, sinh năm 1990; CMND 186807355 do Công an tỉnh Nghệ An cấp ngày 22/8/2006. Phía công ty có ký kết hợp đồng lao động và nhận vào làm việc, tham gia bảo hiểm xã hội cho người lao động trong thời gian làm việc tại công ty từ tháng 7/2011 đến tháng 4/2013. Sau đó người lao động nghỉ việc. Do thời gian đã lâu và qua nhiều lần thay thế nhân sự phụ trách lưu kho, sổ sách nên hồ sơ của người lao động phía công ty không còn lưu trữ. Đến nay, phía công ty xác nhận, không xác định được người lao động thực tế đã làm việc tại công ty có đúng với người lao động có thông tin thể hiện trong hợp đồng lao động hay không. Đến khi công ty nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án thì công ty mới biết có sự trùng sổ bảo hiểm theo đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công ty xin trình bày toàn bộ nội dung liên quan đến hồ sơ của người lao động có tên Lang Thị N. Đề nghị Tòa án căn cứ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Trường hợp Tòa án tuyên bố Hợp đồng lao động ký kết

trong thời gian từ tháng 7/2011 đến tháng 4/2013 giữa ông Danh M với Công ty TNHH D là vô hiệu thì Công ty TNHH D không yêu cầu giải quyết hậu quả của Hợp đồng vô hiệu.

***Quá trình tham gia tố tụng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố B trình bày:***

Công ty TNHH D đóng bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm tai nạn lao động- Bệnh nghề nghiệp cho thông tin Lang Thị N, sinh năm 1990; CMND 040190031729, với mã số BHXH: 7411208409 từ tháng 7/2011 đến tháng 4/2013. Bà Lang Thị N chưa hưởng chế độ trợ cấp BHXH một lần và BHTN của mã số 7411208409.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, đại diện hợp pháp của bị đơn vắng mặt, đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị xử vắng mặt.

***Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tại phiên tòa:***

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa, nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của bị đơn, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xử vắng mặt. Do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử theo quy định.

[1.2] Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện:

Quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn rút lại các yêu cầu: hủy kết quả quá trình đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 7/2011 đến tháng 4/2013 theo sổ bảo hiểm xã hội số 7411208409 tại Bảo hiểm xã hội B, tỉnh Bình Dương. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật nên có cơ sở chấp nhận. Căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với các yêu cầu đã rút của nguyên đơn.

[1.3] Các bên không cung cấp được tài liệu, chứng cứ là Hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH D và bà Lang Thị N. Tuy nhiên, Công ty TNHH D thừa nhận có Hợp đồng nhưng thời gian đã lâu nên thất lạc. Như vậy có tồn tại Hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH D và người lao động có thông tin

Lang Thị N. Đây là tài liệu, chứng cứ không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Qua tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử xét thấy: Bà N và Công ty TNHH t có ký kết hợp đồng lao động và bà làm việc tại Công ty từ tháng 07/2011 đến tháng 04/2013 thì nghỉ, được công ty tham gia BHXH, BHYT đầy đủ. Quá trình tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp của bà N được thể hiện đầy đủ tại sổ bảo hiểm xã hội sổ số: 7411208409.

Bị đơn Công ty TNHH D xác nhận có ký kết hợp đồng lao động với người lao động có tên Lang Thị N và có tham gia BHXH, BHTN cho người lao động từ tháng 07/2011 đến tháng 04/2013, sau đó chấm dứt việc làm. Hiện hồ sơ công ty không còn lưu giữ, cũng không xác định được người làm việc trên thực tế có đúng với thông tin của người lao động trong hồ sơ xin việc hay không.

Như vậy, Công ty TNHH D và Công ty TNHH t tham gia bảo hiểm xã hội cho ông M từ tháng 07/2011 đến tháng 04/2013. Tuy nhiên, thực tế bà N chỉ làm việc tại Công ty TNHH t, không làm việc tại Công ty TNHH D. Do đó, hợp đồng ký kết giữa bà Lang Thị N và Công ty TNHH D vô hiệu do vi phạm quy định tại Điều 122 và điểm b, c khoản 1 Điều 117.

[2.2] Hậu quả của giao dịch dân sự vô hiệu được xác định theo quy định tại Điều 131 Bộ luật dân sự. Tuy nhiên, nguyên đơn, bị đơn đều không xác định được người đã có thời gian thực tế làm việc tại Công ty TNHH D nên không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

[2.3] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[2.4] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí lao động sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 219 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng 127; 131 của Bộ luật dân sự;

Áp dụng Điều 49, 50, 51 Bộ luật Lao động năm 2019;

Áp dụng Điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lang Thị N về việc "tranh chấp về hợp đồng lao động" với bị đơn Công ty TNHH D.

Tuyên bố Hợp đồng lao động giao kết giữa bà Lang Thị N và Công ty TNHH D từ tháng 07/2011 đến tháng 04/2013 vô hiệu.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lang Thị N đối với bị đơn Công ty TNHH D về việc yêu cầu về việc hủy kết quả quá trình đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 7/2011 đến tháng 4/2013 theo sổ bảo hiểm xã hội số 7411208409 tại Bảo hiểm xã hội B, tỉnh Bình Dương.

3. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí lao động sơ thẩm số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Nguyên đơn, đại diện hợp pháp của bị đơn, đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

**Nơi nhận:**
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Bến Cát;
- Chi cục THADS thành phố Bến Cát;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Phan Hồng Diễm Phúc**